

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2023/DS-PT

Ngày 12-12-2023

V/v tranh chấp
hợp đồng bảo hiểm.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiểm

Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tuấn

Ông Nguyễn Đức Cảnh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:**
Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023.

Do bản án dân sự số 37/2023/TLPT-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 43/2023/QĐ-PT ngày 25-10-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 176/2023/QĐ-PT ngày 06-11-2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức A, sinh năm 1993; nơi cư trú: Khu 3, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1966; nơi cư trú: Làng Mãn 2, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Tổng công ty Cổ phần B (gọi tắt là PTI); địa chỉ trụ sở: Số 95, phố T, phường D, quận C, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị Y chức vụ: Tổng giám đốc. (Theo Nghị quyết về việc bổ nhiệm Tổng giám đốc của Tổng Công ty CP Bảo hiểm Bưu điện số 68/2023/NQ-PTI-HĐQT ngày 19/10/2023)

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Phạm Quang Đ, sinh năm 1994. Địa chỉ: Phòng 313 tập thể G2 Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình,

thành phố Hà Nội và ông Hồ Đình Q; số CCCD: 040095000161 (Theo Giấy ủy quyền số 1024/GUQ-PTI ngày 01/12/2023)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1997; đăng ký thường trú: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Khu 3, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1966; nơi cư trú: Làng Mãn 2, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

2. Cháu Nguyễn Hoàng Hà V, sinh năm 2020; nơi cư trú: Khu 3, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật:

- Anh Nguyễn Đức A, sinh năm 1993; nơi cư trú: Khu 3, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

- Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1997; đăng ký thường trú: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Khu 3, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Có mặt bà Hoàng Thị T và anh Phạm Quang Đ; những đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện nộp ngày 19-01-2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn (anh Nguyễn Đức A), đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Hoàng Thị H) là bà Hoàng Thị T trình bày:

Anh Nguyễn Đức A và chị Hoàng Thị H là vợ chồng, có con gái tên là Nguyễn Hoàng Hà V, sinh năm 2020. Ngày 19-01-2023 chị Hoàng Thị H mua bảo hiểm cho cháu Nguyễn Hoàng Hà V thông qua hình thức đơn bảo hiểm điện tử với Công ty Bảo hiểm Bưu điện Nam Định là đơn vị trực thuộc của Tổng công ty Cổ phần B. Gói bảo hiểm mua cho cháu Nguyễn Hoàng Hà V thuộc chương trình “PTI VỮNG TÂM AN +”, được thực hiện theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN của Tổng công ty Cổ phần B.

Toàn bộ thủ tục đăng ký mua bảo hiểm, nộp phí bảo hiểm, cấp giấy chứng nhận bảo hiểm cho cháu Nguyễn Hoàng Hà V đều được thực hiện online trên hệ thống phần mềm của Tổng công ty Cổ phần B. Việc chị Hoàng Thị H mua bảo hiểm cho cháu Nguyễn Hoàng Hà V đã được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000118/GCN/040-KTTT/VTÀ-PLUS/2022 ngày 19-01-2022. Giấy chứng nhận bảo hiểm có các nội dung cụ thể như sau:

- Người mua bảo hiểm là chị Hoàng Thị H; người được bảo hiểm là cháu Nguyễn Hoàng Hà V.

- Thời hạn bảo hiểm đối với cháu Nguyễn Hoàng Hà V là 12 tháng, tính từ ngày 20-01-2022 đến ngày 20-01-2023.

- Phí bảo hiểm là 790.000 đồng. Phí bảo hiểm đã được chị Hoàng Thị H đóng toàn bộ một lần vào ngày 19-01-2022.

- Quyền lợi bảo hiểm: Người được bảo hiểm được hưởng quỹ trợ cấp nằm viện điều trị dịch bệnh tại các cơ sở y tế khi người được bảo hiểm nhập viện sau 03 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm là 12.000.000 đồng. Đối với người được bảo hiểm đã tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh thì quỹ trợ cấp này tăng gấp đôi, tức là sẽ được hưởng 24.000.000 đồng.

Cháu Nguyễn Hoàng Hà V chưa được tiêm chủng phòng ngừa bệnh Covid-19. Đến ngày 15-3-2022 thì cháu Nguyễn Hoàng Hà V được xác định bị mắc bệnh Covid-19 theo mẫu test nhanh với Covid-19. Cùng ngày 15-3-2022, cháu Nguyễn Hoàng Hà V được đưa vào điều trị tại “Cơ sở thu dung điều trị Covid-19 thuộc Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên - Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang” để điều trị bệnh Covid-19. Đến ngày 20-3-2022 cháu Nguyễn Hoàng Hà V được ra viện.

Sau khi sự kiện bảo hiểm xảy ra, anh Nguyễn Đức A và chị Hoàng Thị H đã làm thủ tục thông báo việc cháu Nguyễn Hoàng Hà V bị mắc bệnh Covid-19 và phải điều trị tại cơ sở y tế cho Tổng công ty Cổ phần B. Các giấy yêu cầu bảo hiểm, chứng từ điều trị của cháu Nguyễn Hoàng Hà V đã được chụp ảnh và cập nhật trên hệ thống phần mềm của Tổng công ty Cổ phần B ngay trong tháng 3/2022. Ngoài việc khai báo online, anh Nguyễn Đức A và chị Hoàng Thị H còn gửi bộ hồ sơ gốc yêu cầu bảo hiểm và chứng từ điều trị cho Tổng công ty Cổ phần B theo đường bưu chính.

Ngày 18-5-2022, Tổng công ty Cổ phần B có thông báo giải quyết quỹ hỗ trợ với mức chi hỗ trợ cho cháu Nguyễn Hoàng Hà V là 3.600.000 đồng. Anh Nguyễn Đức A và chị Hoàng Thị H không đồng ý với mức hỗ trợ nói trên và yêu cầu Tổng công ty Cổ phần B phải thực hiện trả tiền bảo hiểm cho cháu Nguyễn Hoàng Hà V là 12.000.000 đồng với lý do theo Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000118/GCN/040-KTTT/VT-PLUS/2022 ngày 19-01-2022 và Phụ lục tại trang 2 thì trường hợp của cháu Nguyễn Hoàng Hà V đã thỏa mãn tất cả các điều kiện của hợp đồng bảo hiểm. Cụ thể là cháu Nguyễn Hoàng Hà V đã bị mắc bệnh Covid-19 sau hơn 03 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm, đã được điều trị tại cơ sở y tế do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập; đồng thời trường hợp của cháu Nguyễn Hoàng Hà V không thuộc bất cứ điểm loại trừ nào theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN và Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000118/GCN/040-KTTT/VT-PLUS/2022 ngày 19-01-2022 của Tổng công ty Cổ phần B.

Ngoài ra, theo quy định của khoản 3, mục tóm tắt nội dung bảo hiểm của Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000118/GCN/040-KTTT/VT-PLUS/2022 ngày 19-01-2022 thì Tổng công ty Cổ phần B phải trả tiền bảo hiểm trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Tổng công ty Cổ phần B đã tiếp nhận bộ hồ sơ yêu cầu bồi thường hợp lệ của cháu Nguyễn Hoàng Hà V từ ngày 30-3-2022, thời hạn cuối cùng phải trả tiền bảo hiểm là ngày 14-4-2022, ngày bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả tiền là từ ngày 15-4-2022. Vì vậy Tổng công ty Cổ phần B phải trả tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm theo

quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 với mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 15-4-2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền bảo hiểm của cháu Nguyễn Hoàng Hà V.

Hiện tại, anh Nguyễn Đức A yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc Tổng công ty Cổ phần B phải thực hiện trả tiền bảo hiểm cho trường hợp của cháu Nguyễn Hoàng Hà V là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

- Buộc Tổng công ty Cổ phần B phải trả tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 với mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền bảo hiểm chậm trả kể từ ngày 15-4-2022 cho đến khi nay là 15 tháng là 1.500.000 đồng.

- Buộc Tổng công ty Cổ phần B phải thanh toán chi phí đi lại là 3.300.000 đồng.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Hà Minh Tấn và ông Phạm Quang Đ (Tổng công ty Cổ phần B) trình bày:

Ngày 19-01-2022 chị Hoàng Thị H đã mua bảo hiểm cho cháu Nguyễn Hoàng Hà V thuộc chương trình “PTI VỮNG TÂM AN +”, được thực hiện theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN của Tổng công ty Cổ phần B. Thủ tục đăng ký mua bảo hiểm, nộp phí bảo hiểm, cấp giấy chứng nhận bảo hiểm cho cháu Nguyễn Hoàng Hà V được thực hiện online trên hệ thống phần mềm của Tổng công ty Cổ phần B. Cháu Nguyễn Hoàng Hà V đã được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000118/GCN/040-KTTT/VT-PLUS/2022 ngày 20-01-2022. Thời hạn bảo hiểm đối với cháu Nguyễn Hoàng Hà V là 12 tháng, tính từ ngày 20-01-2022 đến ngày 20-01-2023. Phí bảo hiểm là 790.000 đồng, đã được chị Hoàng Thị H đóng toàn bộ vào ngày 19-01-2022.

Sau khi cháu Nguyễn Hoàng Hà V bị mắc bệnh Covid-19 và được điều trị tại Cơ sở thu dung điều trị Covid-19 thuộc Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên - Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang, gia đình cháu Vy đã làm thủ tục thông báo trên hệ thống phần mềm của Tổng công ty Cổ phần B. Tổng công ty Cổ phần B cũng đã nhận được bộ hồ sơ gốc yêu cầu trả tiền bảo hiểm của khách hàng Hoàng Thị H, bao gồm giấy yêu cầu bảo hiểm và các chứng từ điều trị của cháu Nguyễn Hoàng Hà V từ ngày 30-3-2022. Tổng công ty Cổ phần B không yêu cầu chị Hoàng Thị H bổ sung thêm hồ sơ, tài liệu gì khác.

Cháu Nguyễn Hoàng Hà V mắc bệnh Covid-19 là thuộc sự kiện bảo hiểm quy định trong chương trình bảo hiểm “PTI VỮNG TÂM AN +”. Tuy nhiên do cháu Nguyễn Hoàng Hà V bị mắc bệnh Covid-19 sau khi Chính phủ thực hiện chủ trương miễn dịch cộng đồng, số lượng người mắc bệnh Covid-19 rất nhiều. Để giải quyết việc điều trị cho người mắc bệnh Covid-19, Bộ Y tế đã ban hành Quyết định số 5525/QĐ-BYT ngày 01-12-2021 và Quyết định 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022 để phân loại nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế. Theo hướng dẫn của các văn bản trên thì cháu Nguyễn Hoàng Hà V mắc bệnh Covid-19, nhưng không thuộc nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế. Vì vậy trường

hợp của cháu Nguyễn Hoàng Hà V là không thuộc trường hợp được trả tiền bảo hiểm. Tổng công ty Cổ phần B đã thông báo đồng ý hỗ trợ cho cháu Nguyễn Hoàng Hà V số tiền là 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) nhưng gia đình cháu Vy không đồng ý.

Nay Tổng công ty Cổ phần B chỉ chấp nhận hỗ trợ cho cháu Nguyễn Hoàng Hà V số tiền là 6.000.000 đồng và không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Đức A về việc trả tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm vì giữa hai bên đang xảy ra tranh chấp chi trả tiền bảo hiểm. Không chấp nhận thanh toán chi phí đi lại cho nguyên đơn.

Tại bản án số 37/2023/DS-ST ngày 26-6-2023 của Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã quyết định.

Căn cứ Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; điểm c khoản 2 Điều 17; Điều 22; Điều 29 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019);

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; điểm c,g khoản 1 Điều 217; Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức A.

- Buộc Tổng công ty Cổ phần B phải trả cho anh Nguyễn Đức A và chị Hoàng Thị H số tiền bảo hiểm đối với cháu Nguyễn Hoàng Hà V là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

- Buộc Tổng công ty Cổ phần B phải trả cho anh Nguyễn Đức A và chị Hoàng Thị H số tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm kể từ ngày 15-4-2022 đến hết ngày xét xử sơ thẩm 26-6-2023 là 1.439.000 đồng (một triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức A về việc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính đối với Tổng công ty Cổ phần B do chậm trả tiền bồi thường.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự và lãi suất chậm trả do chậm thi hành bản án.

Ngày 30-6-2023 người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty Cổ phần B không đồng ý với quyết định của bản án và kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty Cổ phần B giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị cấp phúc thẩm căn cứ Quyết định số 5525/QĐ-BYT ngày 01-12-2021 và Quyết định 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022 do Bộ Y tế đã ban hành để giải quyết việc điều trị cho người mắc bệnh Covid-19, để phân loại nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế. Căn cứ vào hồ sơ của khách hàng thì không điều trị theo phác đồ của Bộ y tế hướng

dẫn chuẩn đoán và điều trị Covid-19 nên không thỏa mãn điều kiện của quỹ hỗ trợ “Nằm viện điều trị” dịch bệnh. Do vậy không chấp nhận quyết định bản án sơ thẩm về các khoản tiền mà Tổng công ty Cổ phần B phải trả bảo hiểm và lãi suất. Đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 37/2023/DS-ST ngày 26-6-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

Án phí phúc thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của các đương sự:

[1] Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty Cổ phần B làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng:

2.1. Về người tham gia tố tụng: Sau khi đưa vụ án ra xét xử Tổng công ty Cổ phần B thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông Nguyễn Kim Lân sang bà Hoàng Thị Y, sau đó bà Yến ủy quyền cho anh Hồ Đình Q và anh Phạm Quang Đ tham gia tố tụng tại phiên tòa, xét thấy thủ tục tố tụng của Tổng công ty Cổ phần B là đảm bảo quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

2.2. Về tranh chấp được giải quyết trong vụ án: Chị Hoàng Thị H là vợ của anh Nguyễn Đức A ký hợp đồng bảo hiểm với Tổng công ty Cổ phần B, quá trình thực hiện hợp đồng xảy ra tranh chấp, anh Nguyễn Đức A khởi kiện Tổng công ty Cổ phần B với các nội dung liên quan đến thực hiện hợp đồng của Tổng công ty Cổ phần B nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật.

2.3. Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000118/GCN/040-KTTT/VTÀ-PLUS/2022 ngày 19-01-2022 thì chị Hoàng Thị H – vợ của anh Nguyễn Đức A giao kết hợp đồng bảo hiểm với Công ty Bảo hiểm Bưu điện Nam Định, thuộc Tổng công ty Cổ phần B. Theo đơn khởi kiện, anh Nguyễn Đức A đã lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định là Tòa án nơi có trụ sở chi nhánh giao kết hợp đồng bảo hiểm để giải

quyết tranh chấp, các đương sự không có thỏa thuận về lựa chọn tòa án giải quyết. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của Tổng công ty Cổ phần B:

3.1. Đối với yêu cầu trả tiền bảo hiểm: Xét yêu cầu của anh Nguyễn Đức A buộc Tổng công ty Cổ phần B phải thanh toán số tiền bảo hiểm 12.000.000 đồng.

3.1.1. Về việc giao kết hợp đồng: Ngày 19-01-2022 chị Hoàng Thị H mua bảo hiểm cho con gái là cháu Nguyễn Hoàng Hà V, sinh năm 2020 thông qua hình thức đơn bảo hiểm điện tử với Công ty Bảo hiểm Bưu điện Nam Định, là đơn vị trực thuộc của Tổng công ty Cổ phần B. Sau khi chị Hoàng Thị H đóng đầy đủ phí bảo hiểm, Công ty Bảo hiểm Bưu điện Nam Định đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000118/GCN/040-KTTT/VT-PLUS/2022 ngày 19-01-2022. Giấy chứng nhận bảo hiểm và Phụ lục kèm theo có ghi các nội dung cụ thể của hợp đồng bảo hiểm, bao gồm: Người mua bảo hiểm là chị Hoàng Thị H, người được bảo hiểm là cháu Nguyễn Hoàng Hà V; thời hạn bảo hiểm đối với cháu Nguyễn Hoàng Hà V là 12 tháng, tính từ ngày 20-01-2022 đến ngày 20-01-2023; phí bảo hiểm là 790.000 đồng; quyền lợi bảo hiểm: Người được bảo hiểm được hưởng quỹ trợ cấp nằm viện điều trị dịch bệnh tại các cơ sở y tế khi người được bảo hiểm nhập viện sau 03 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm là 12.000.000 đồng. Đối với người được bảo hiểm đã tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh thì quỹ trợ cấp này tăng gấp đôi, tức là sẽ được hưởng 24.000.000 đồng. Ngoài ra giấy chứng nhận bảo hiểm và phụ lục kèm theo còn có các nội dung về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, thời hạn trả tiền bảo hiểm. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 22 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) xác định hợp đồng bảo hiểm giữa chị Hoàng Thị H và Tổng công ty Cổ phần B là hợp pháp và có hiệu lực thực hiện; trách nhiệm bảo hiểm của Tổng công ty Cổ phần B đối với cháu Nguyễn Hoàng Hà V phát sinh từ ngày 20-01-2022 đến ngày 20-01-2023 là đúng với quy định của pháp luật.

3.1.2. Về sự kiện bảo hiểm: Căn cứ vào Bệnh án do Trung tâm y tế huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang cung cấp thì cháu Nguyễn Hoàng Hà V bị mắc bệnh Covid-19 từ ngày 15-3-2022 và đã được đưa vào Cơ sở thu dung điều trị Covid-19 thuộc Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên - Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang; đây là cơ sở y tế hợp pháp được Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang thành lập để điều trị cho các bệnh nhân mắc Covid-19. Tòa án cấp sơ thẩm xác định cháu Nguyễn Hoàng Hà V đã bị mắc bệnh Covid-19 trong thời gian được bảo hiểm. Các tình tiết trên là cơ sở để xác định sự kiện bảo hiểm được nêu trong Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000118/GCN/040-KTTT/VT-PLUS/2022 ngày 19-01-2022 và phụ lục kèm theo đã xảy ra trong thời hạn bảo hiểm của cháu Nguyễn Hoàng Hà V là phù hợp.

3.1.3. Về nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm: Căn cứ nhận định tại mục 2.2 về việc cháu Nguyễn Hoàng Hà V bị mắc bệnh Covid-19 trong thời hạn bảo hiểm, được điều trị tại cơ sở y tế hợp pháp là sự kiện bảo hiểm được nêu trong Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000118/GCN/040-KTTT/VTÀ-PLUS/2022 ngày 20-01-2022 và phụ lục kèm theo; đồng thời việc cháu Nguyễn Hoàng Hà V bị mắc bệnh Covid-19 không thuộc bất cứ điểm loại trừ nào được ghi trong Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN và Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000118/GCN/040-KTTT/VTÀ-PLUS/2022 ngày 19-01-2022. Vì vậy, căn cứ Điều 16 và điểm c khoản 2 Điều 17 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) thì Tổng công ty Cổ phần B có nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng là chị Hoàng Thị H (mẹ đẻ của cháu Nguyễn Hoàng Hà V) theo quy định của hợp đồng bảo hiểm.

Do cháu Nguyễn Hoàng Hà V bị mắc bệnh Covid-19 khi chưa được tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh, vì vậy căn cứ quy định tại phụ lục của Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000118/GCN/040-KTTT/VTÀ-PLUS/2022 ngày 19-01-2022 thì số tiền bảo hiểm cho trường hợp của cháu Nguyễn Hoàng Hà V là 12.000.000 đồng.

Đối với quan điểm của Tổng công ty Cổ phần B cho rằng cháu Nguyễn Hoàng Hà V mắc bệnh Covid-19, nhưng không thuộc nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế theo hướng dẫn tại Quyết định số 5525/QĐ-BYT ngày 01-12-2021 và Quyết định 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022 của Bộ Y tế, do đó trường hợp của cháu Nguyễn Hoàng Hà V là không thuộc trường hợp được trả tiền bảo hiểm; thấy rằng:

Căn cứ mục 3 Quyết định số 5525/QĐ-BYT ngày 01-12-2021 của Bộ Y tế thì cháu Nguyễn Hoàng Hà V thuộc loại nguy cơ trung bình, định hướng điều trị tại *“bệnh viện hoặc cơ sở thu dung điều trị Covid-19, trong trường hợp quá tải thì có thể xem xét điều trị tại cộng đồng”*; căn cứ ghi chú tại bảng 4, mục 6.1 Quyết định 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022 của Bộ Y tế về nguyên tắc điều trị thì *“người bệnh nhiễm COVID-19 không triệu chứng hoặc mức độ nhẹ có thể điều trị tại nhà hoặc các cơ sở thu dung điều trị COVID-19 tùy theo tình hình dịch tại từng địa phương”*. Trường hợp của cháu Nguyễn Hoàng Hà V thực tế đã được cơ sở y tế có thẩm quyền tiếp nhận và điều trị bệnh Covid-19, như vậy là thuộc trường hợp cần thiết phải điều trị tại cơ sở y tế. Quan điểm của Tổng công ty Cổ phần B cho rằng cháu Nguyễn Hoàng Hà V mắc bệnh Covid-19, nhưng không thuộc nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế nên không được trả tiền bảo hiểm là không có cơ sở chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện phải có trách nhiệm chi trả bảo hiểm cho người thụ hưởng là chị Hoàng Thị H là có cơ sở và đúng pháp luật.

3.2. Về nghĩa vụ chậm trả:

Căn cứ Điều 29 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và mục 2 chương V Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN, mục 3 phần III Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000118/GCN/040-KTTT/VTÀ-

PLUS/2022 ngày 19-01-2022 thì Tổng công ty Cổ phần B có nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm trong thời hạn chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Theo xác nhận của người đại diện Tổng công ty Cổ phần B thì Tổng công ty Cổ phần B đã nhận được bộ hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm của chị Hoàng Thị H đối với trường hợp của cháu Nguyễn Hoàng Hà V, không yêu cầu phải bổ sung thêm hồ sơ, tài liệu gì khác. Vì vậy, thời hạn cuối cùng mà Tổng công ty Cổ phần B phải trả tiền bảo hiểm là ngày 14-4-2022. Do Tổng công ty Cổ phần B không trả tiền bảo hiểm đúng thời hạn nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Tổng công ty Cổ phần B phải trả tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm với mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 15-4-2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Cụ thể số tiền chậm trả tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm 26-6-2023 là 14 tháng 12 ngày: $12.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm/12 \text{ tháng} \times 14 \text{ tháng} 12 \text{ ngày} = 1.439.000 \text{ đồng}$.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Tổng công ty Cổ phần B phải tiếp tục trả tiền lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Việc xác định nghĩa vụ chậm trả của Tòa án cấp sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

3.3. Về nội dung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức A về việc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính đối với Tổng công ty Cổ phần B do chậm trả tiền bồi thường. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà Hoàng Thị T rút yêu cầu khởi kiện nội dung này, đồng thời yêu cầu khởi kiện này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện này là đúng pháp luật.

[4] Tại phiên tòa người kháng cáo không nộp bổ sung tài liệu nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Vì vậy, từ những phân tích nêu trên xét thấy kháng cáo của Tổng công ty Cổ phần B không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Giữ nguyên bản dân sự sơ thẩm số 37/2023/DS-ST ngày 26-6-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 13, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Tổng công ty Cổ phần B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đối trừ với số tiền 300.000 đồng PTI đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định theo biên lai số 0000225 ngày 07-7-2023, Tổng công ty Cổ phần B đã nộp đủ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Kiểm